

# VÙNG BIỂN HÀ TĨNH VÀ CỘNG ĐỒNG CƯ DÂN BỜ LÔ

PHẠM THANH TỊNH\*

Với bờ biển dài nên vùng đặc quyền kinh tế biển ở Hà Tĩnh rộng gấp hơn 33 lần diện tích đất đai của tỉnh (hơn 20.000km<sup>2</sup>). Ven bờ biển Hà Tĩnh, cách các cửa biển từ 3,4 km đến 20 km từ Bắc vào Nam rải đều các hòn đảo nhỏ nhưng có giá trị quốc phòng và kinh tế, đó là các đảo Ngư, đảo Mất, đảo Nồm... ở trước Cửa Hội Thống thuộc địa phận Hà Tĩnh nay thuộc về tỉnh Nghệ An.

Cửa Sót có Mũi Lố, cạnh Mũi Lố có những hòn đá ngầm, có các hòn đá lớn nổi trên mặt nước khi thủy triều xuống. Đó là các hòn Am, hòn Mồi, hòn Ngựa. Cách cửa Nhượng trên 800m là hòn Bốc và hòn Ến, nơi đây còn để lại dấu tích của núi lửa và còn có hang đá chim én làm tổ. Ngoài khơi Cửa Khẩu ở Kỳ Anh là đảo Sơn Dương. Đây là hòn đảo lớn nhất trên biển của Hà Tĩnh, xa hơn phía Đông có hòn Chim nhấp nhô trên mặt nước. Đảo Sơn Dương cùng với núi Cao Vọng tạo nên vũng biển Sơn Dương, phía nam Vũng Áng có độ sâu trên 14m, hứa hẹn một hải cảng quan trọng nay mai của sự nghiệp

xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và là cảng nước sâu lý tưởng cho các tàu trọng tải lớn vào ra thuận tiện. Theo khảo sát bước đầu của Viện Khảo cổ học thuộc Viện Khoa học xã hội Việt Nam và Bảo tàng Hà Tĩnh tiến hành năm 2000, chúng ta được biết trước đây trên bờ biển Hà Tĩnh ngoài 4 cửa biển còn lại như Cửa Hội, Cửa Sót, Cửa Nhượng và Cửa Khẩu còn có các Cửa Xích Mộ dưới chân núi Mũi Độc thuộc xã Kỳ Nam, Cửa Cao Vọng, Cửa Nước Trong ở xã Kỳ Ninh nhưng nay đã bị cát bồi lấp kín dòng chảy từ đất liền ra biển.

Đặc điểm của các cửa biển hiện nay ở Hà Tĩnh là cách nhau và rải đều từ Bắc vào Nam. Ngoài ra, mạng lưới sông và kênh đào thông suốt các huyện ven biển đã tạo thuận lợi cho sự thông thương giữa cửa biển và nội tỉnh. Dọc theo miền biển ấy, có khá nhiều cộng đồng ngư dân thủy cư sinh sống. Theo nghiên cứu của Nguyễn Duy Thiệu, có hai nhóm ngư dân thủy cư với hai nguồn gốc rõ rệt: nhóm có nguồn gốc nông dân trong nội đồng và nhóm đã cư trú lâu đời trên biển<sup>(1)</sup>. Nhóm

\* TS. Phạm Thanh Tịnh, Viện Nghiên cứu Đông Nam Á

có nguồn gốc nông dân trong nội đồng chủ yếu sống bằng nghề đánh bắt tôm cá trong sông. Nhóm kia đánh cá bằng câu và lưới rút ngoài biển khơi. Nhóm cư trú lâu đời trên biển có một cộng đồng với số lượng tương đối lớn, sống tập trung tại các cửa biển của Hà Tĩnh, chủ yếu là ở Cửa Sót - xã Thạch Kim và Cửa Nhượng - xã Cẩm Nhượng. Đó là cộng đồng người Bồ Lô.

Người Bồ Lô (hay Ba Lan) là tên chỉ một nhóm người vào thời cận đại sống không ổn định, thỉnh thoảng thấy lẻ tẻ xuất hiện ở bờ biển phía Nam Nghệ Tĩnh, tại một vài điểm nhất định cư trú dọc ven biển các tỉnh miền Trung từ Thanh Hóa vào tới Quảng Bình, đặc biệt là ở các cửa sông, nếu có thành nhóm cũng không đông<sup>(2)</sup>. Theo khảo sát của các nhà nghiên cứu, ở Hà Tĩnh, người Bồ Lô sống đậm đặc nhất tại hai cửa biển: Cửa Sót (Thạch Kim, Lộc Hà) và Cửa Nhượng (Cẩm Nhượng, Cẩm Xuyên). Ngoài tên gọi Bồ Lô, họ còn được dân địa phương gọi là *dân Nôóc câu* hoặc *dân Bó Chính* (Cửa Sót) hay *Bồ Lô Xuyên Hội, in xiên* (Cửa Nhượng). Dưới góc nhìn của người dân địa phương, đây là một cộng đồng người ngụ cư từ nơi khác tới, vì vậy, trước Cách mạng tháng Tám, "Bồ Lô" được họ coi là tộc danh để chỉ một nhóm người mà theo Nguyễn Duy Thiệu, đó là nhóm người mà cư dân Cửa Sót gọi là "Mường nước mặn".

Với tiếng Việt, Bồ Lô không có ý nghĩa, theo các nhà nghiên cứu ngôn ngữ học, Bồ Lô được đoán định có gốc là Mã Lai. Từ

này có thể là Pù Lao hay Bù Lao nghĩa là đảo. Phải chăng đây là những cư dân từ ngoài đảo vào, và người dân địa phương đã Việt hóa từ Bù Lao thành Bồ Lô để chỉ những người này. Vì vậy, có giả thiết cho rằng họ là người Mã Lai, có người còn cho rằng người Bồ Lô có nguồn gốc là người Champa. Thế nhưng, người Bồ Lô từ đâu tới, tới từ bao giờ, cho đến nay vẫn còn là một câu hỏi. Theo các cụ già, những người mà đến tận hôm nay còn tự nhận mình là người Bồ Lô, thì tổ tiên của họ từ Quảng Bình di cư ra và từ Cửa Hội - Nghệ An vào. Với trí nhớ của mình, các cụ cho rằng tổ tiên ông bà họ đã định cư ở đây khoảng 8 đến 10 đời. Có những dòng họ đã định cư đến 14 đời.

Qua hình thể và những biểu hiện bên ngoài, cũng dễ phân biệt người Bồ Lô với dân địa phương: da họ sẫm hơn, tóc quăn, môi dày, mắt nhỏ, phát âm tiếng Việt khó hiểu. Dáng đi thì lòng không, cổ rụt như cổ rùa, khi đi như chạy, nói thì nhanh như chim hót. Những đặc điểm trên của người Bồ Lô có những nét gần với các cư dân Nam Đảo. Và, nếu đúng như vậy thì cộng đồng người Bồ Lô có mối quan hệ với các cộng đồng cư dân biển của Đông Nam Á. Trước đây, với tư tưởng kỳ thị dân tộc, một số người dân địa phương nhìn người Bồ Lô bằng con mắt tò mò nếu không muốn nói là ít thiện cảm. Do vậy, từ lâu, ở Hà Tĩnh, có câu hát về người Bồ Lô:

"Bồ Lô Xuyên Hội  
Không nổi nấu ăn,

Không khăn chịt trôóc (đầu),  
 Không nồoc (thuyền) đi câu  
 Không bầu (túi) đựng gạo.”

Tất nhiên, nội dung của bài hát cũng chỉ là cường điệu cuộc sống nghèo khó, đơn giản, thất học của họ thôi, chứ thực sự chẳng có ác ý gì.

Là dân thủy cư, người Bồ Lô chỉ được sống trên mặt nước và sống cuộc sống “theo đuôi con cá” và “ăn sóng nói gió”. Họ không có đất ở trên bờ, họa chăng nếu có thì dân thủy cư chỉ dùng phần đất ấy vào hai việc chính: để chôn cất người chết và xây đình thờ của vạn. Ngày xưa, trên danh nghĩa, họ cũng được chính quyền phong kiến địa phương thừa nhận quyền lãnh vực, nhưng ngoài bãi đậu thuyền ở cửa sông, họ không được vào sông. Ngoài biển, người Bồ Lô được tự do, nhưng vào đất liền họ bị coi là “thần ở đợ”, là dân “sống vô gia cư, chết vô địa táng”, cho nên họ phải mua đất của các làng trên bờ để xây đình và chôn cất người chết với những điều kiện rất khắt khe.

Trước đây (trước Cách mạng Tháng Tám), người Bồ Lô sống chủ yếu trên thuyền, mỗi gia đình thường cư trú trên một con thuyền. Nhiều gia đình kết hợp với nhau thành một vạn, như Vạn Kỳ Xuyên ở Cửa Sót và Vạn Nồoc câu ở Nhượng Bạ. Trong thiết chế xã hội cổ truyền, các cư dân vạn chài không phải là dân chính cư vì vậy vạn chài chỉ là những đơn vị tự quản. Các vạn chài được tập hợp theo nguyên tắc quan hệ huyết thống và

quan hệ nghề nghiệp. Chính vì vậy, cơ cấu của vạn chài so với cơ cấu xã hội nông nghiệp đơn giản hơn rất nhiều. Mọi sinh hoạt của họ đều tập trung trên thuyền. Sau ngày độc lập, một số gia đình được chính quyền địa phương cấp đất (như ở Cửa Nhượng - Cẩm Xuyên) hoặc có tiền mua đất (như ở Cửa Sót - Thạch Kim) để dựng nhà. Vì thế họ sống cuộc sống “thượng gia hạ thuyền”, tức là vừa ở trên thuyền vừa ở trên nhà. Hiện nay, do điều kiện kinh tế cũng như điều kiện xã hội, các hộ gia đình trên thuyền hầu như đã lên bờ hòa nhập với người dân bản xứ. Mặc dầu vậy những yếu tố cổ vẫn được bảo lưu trong cuộc sống thường ngày của người Bồ Lô.

Người Bồ Lô sống chủ yếu bằng làm nghề đánh bắt cá ngoài biển khơi với hai hình thức đánh bắt chính là câu và lưới rút. Thuyền cá của họ (như ở Cẩm Nhượng) thường đóng 9 ván kể từ con tiếp, tề, dằng hai, hông phong và con be (hai vách + hai tiếp), mũi thường cao, lái thấp và bè. Thuyền lái rút có chiều dài 35 đến 42 thước mộc (thước ta = 0,4m), rình hông, rộng đáy, vũng chắc, chịu được độ sóng lắc. Trong khu vực miền Trung, có hai loại thuyền điển hình: thuyền trường và thuyền bầu. Thuyền trường dùng để đánh bắt cá, mũi có hình cong như hình mặt trăng và thuyền bầu dùng chở hàng. Người Bồ Lô dùng thuyền trường.

Nghề câu của người Bồ Lô có hai cách câu là câu ống cần và câu vàng. Câu ống cần thông dụng hơn cả. Mỗi người thông

thường chỉ dùng một dây câu, một ống cần, có lưỡi câu, có mắc mồi. Phải thông hiểu con cá nào ưa mồi nào để biết mà dử cá. Chẳng hạn cá ngừ ưa mồi tôm mà tôm phải sống, phải bơi lội bình thường. Muốn như thế phải móc lưỡi câu vào đầu con tôm, tránh chạm vào đáy não. Tùy theo từng loại cá mà sử dụng lưỡi câu to nhỏ khác nhau. Ví dụ câu cá ngừ khác câu cá trích, câu cá thu khác câu cá nhỡ. Phải biết đợi trăng chờ nước: trăng mọc nước máy, trăng xế nước dưng. Đó là những thời điểm cá hay bắt mồi. Việc sử dụng phao cũng rất quan trọng. Kinh nghiệm của ngư dân câu cá là khi mặt biển xao động cá thường ăn sâu nên phải để lưỡi câu cách mặt đất 2 sải. Khi biển êm, cá ăn cao - lưỡi câu cách mặt đất 4 - 5 sải. Người Bồ Lô là những người thiện nghệ, sát ngư câu cá nổi tiếng ít ai bì kịp.

Ngoài câu các loại cá, người Bồ Lô còn câu mực. Mực là loại sinh vật biển rất mê ánh sáng. Cho nên, người ta dùng mồi cá cơm có chất lân tinh. Tuy nhiên ở biển Đông có loại mực rất to, thường phải câu bằng loại chì riêng (lưỡi câu trọng) phải tạo cho nó cái thế kéo được lưỡi câu nằm ngang trong nước. Người ta dùng một thỏi gỗ quán chì để cho nó không bị chìm hẳn và tính toán sao cho có thể nằm ngang với lưỡi câu. Khi câu mực, người ta không mắc mồi vào lưỡi câu mà buộc mồi trên lưỡi câu một khoảng. Như vậy ta sẽ có một mặt ngang gồm hòn chì, mồi, lưỡi câu. Khi mực ngậm mồi, lưỡi câu bị giật mạnh từ dưới lên và móc vào bụng hoặc đầu con

mực. Trước đây, do câu theo lối thủ công cổ truyền đơn giản, nên năng suất thấp mà lại bị phụ thuộc theo mùa của mực. Ngày nay, nghề câu mực của người Bồ Lô đã được cải tiến nhiều như rường, chì, ván kim tuyến tạo màu óng ánh để đánh lừa mực. Vì vậy mà, giờ đây, người ta có thể câu mực cả ban ngày lẫn ban đêm.

Với câu vàng, dây câu thường dài đến hàng nghìn sải và được kết dày nhiều lưỡi câu. Dây câu trên được thả dài xuống biển trong một thời gian chừng 7 - 8 tiếng. Cá cắn câu nhiều khi dày đặc. Người thợ câu vàng, có những chiều câu được hàng tạ cá quý có giá trị xuất khẩu. Nghề câu vàng có khi câu được cá đáy, cá lưng chừng và có khi câu được cả cá nổi.

Trong nghề câu của người dân chài Bồ Lô, có nghề câu cá mập được dân gian gọi là cá nhám. Cá nhám rất quý: bộ khung xương là sụn (dùng để chữa đốt sống), vì cá nhám là một món ăn trong "bát trân" (chỉ giành cho vua chúa) kéo thành sợi để nấu ăn, gan cá nhám dùng để điều chế Vitamin A. Có khi người đi câu câu được con cá nhám rất lớn, nó kéo cả thuyền đi, người câu phải cho thuyền đi theo cá, đến khi cá mệt, người thợ câu mới kéo cá vào thuyền. Nhưng, cũng có lúc gặp phải loại "tiềm ác ngư", chúng rủa hết con cá lớn, chỉ còn lại bộ xương và cái đầu.

Những người thông thạo về câu có cuộc sống khá giả vì việc mua sắm ngư cụ không tốn kém bằng những nghề khác, nhưng lại có thu hoạch cao. Tuy nhiên, với người Bồ Lô "sống vô gia cư, chết vô địa

táng", do mọi thứ phải quy đổi từ cá mà ra, cho nên, mặc dù thông thạo nghề, sát cá, nhưng do không có nhà, đi biển không có nguồn tài chính dồi dào, phải vay mượn trước nên hầu như sau mỗi chuyến đi biển, họ chỉ kiếm đủ cho cuộc sống thường nhật mà thôi.

*Nghề lưới rút* chỉ đánh ban ngày và phải thả chà (rạo). Chà có thể ví như "khách sạn du lịch" để cho đàn cá đến trú ngụ, chờn vờn. Chà càng nhiều thì tỏa bóng càng rộng, để cho cá đến "tá túc". Kết cấu của một dây chà tựa dây pháo khổng lồ có khi dài 12, 15, 20 sải trở lên. Dây chà buộc với rọ đá nặng hàng tạ. Một đầu dây buộc với cây tre to, khi ném xuống biển tựa như một lùm tre. Vàng lưới rút gồm dáy, giã, hèo, cánh tiên, mắt lưới 2cm x 2cm, dày mỏng tùy theo loại cá. Để đánh cá, nghề lưới rút cần có thợ và bạn trai bao gồm thợ chính, thợ lặn, người vá lưới, người giữ thuyền. Mỗi tốp thợ cần khoảng 10 - 20 người. Kỹ thuật chính của nghề lưới rút phụ thuộc vào người thợ giỏi trong việc thăm dò làn nước chừng vơi, thả rạo, đặt neo, buông lưới. Tùy theo con cá xuất hiện, vụ nam vụ bắc, làn nước, lộng khơi mà người thợ quyết định đánh lưới. Nghề lưới rút đánh cá vào hai vụ: Nam và Bắc gồm cá mu, cá nục, cá trích, cá lòng. Đánh cá chim thì kỹ thuật phức tạp và khó khăn hơn, đòi hỏi người thợ lặn giỏi để khi thấy cá xuất hiện thì phải lặn để dẫn đàn cá vào lưới. Có thợ tài giỏi hơn đã phải tiến lưới và dáy, mới đánh bắt được cá hồng vì cá hồng dầu nhon, răng sắc,

lao như mũi tên. áy vậy mà người Bỏ Lô vẫn đánh bắt được.

Người Bỏ Lô có thể đánh bắt quanh năm (trừ những ngày mưa bão lớn) và không phải chỉ quần quanh trong vùng biển cách đất liền khoảng 40 - 50 km mà còn có thể đi xa hàng trăm cây số, đặc biệt là nghề câu. Bên cạnh đó, người Bỏ Lô ven biển Hà Tĩnh còn là những con người thiện thủy, thiện nghệ, câu kéo tài giỏi. Trước đây, mặc dù ít được học hành, nhưng với những kinh nghiệm đi biển, họ là những cư dân đã đem lại nhiều nguồn lợi kinh tế biển cho các làng xã ven biển, đặc biệt là các cửa sông như cửa Sót (Thạch Kim - Lộc Hà) và cửa Nhượng (Cẩm Nhượng - Cẩm Xuyên). Từ sau Cách mạng tháng Tám đến nay, người Bỏ Lô đã chuyển lên định cư ở đất liền và sinh hoạt giống như người "bản địa". Mọi tập tục sinh hoạt của họ, từ ăn ở, làm nhà cửa, đến việc cưới hỏi, tang ma, học hành bây giờ chẳng khác gì so với người trong thôn xóm. Giờ đây, họ đang cùng những người dân chài biển khác đang ngày đêm đem lại những nguồn lợi lớn cho quê hương, làng xóm./.

## CHÚ THÍCH

1. Nguyễn Duy Thiệu. *Các cộng đồng ngư dân thủy cư ở vùng biển Việt Nam*//Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á, số 6/2003, tr. 3-10.
2. Theo Nguyễn Đồng Chi. *Địa chỉ văn hóa dân gian Nghệ Tĩnh*. Nxb Nghệ An, Vinh, 1995, tr. 55.